

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài liệu khí tượng trên cao gồm tài liệu thám không vô tuyến và tài liệu gió trên cao bằng kính vĩ quang học (pilot).

2. Kiểm tra tài liệu là hoạt động xem xét tính đầy đủ về số lượng, dung lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím (sau đây gọi chung là tài liệu).
3. Kiểm soát tài liệu là quá trình đối chiếu các kết quả thực tế trong tài liệu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật nhằm xác định sự sai lệch và nguyên nhân gây ra sai lệch, từ đó điều chỉnh sự sai lệch các kết quả trong tài liệu đó.
4. Đánh giá chất lượng tài liệu là hoạt động xác định bằng định lượng điểm số đạt được trên tổng số điểm chuẩn và xếp loại chất lượng tài liệu.
5. Điểm chuẩn là mức điểm cao nhất, quy định để đánh giá chất lượng tài liệu; điểm trừ là số điểm quy định trừ cho các lỗi thiếu hoặc sai; điểm đạt được tính bằng điểm chuẩn trừ tổng điểm trừ.
6. Lỗi của tài liệu là những sai sót xảy ra trong quan trắc, thu thập, tính toán, chỉnh lý, phân tích và giao nộp tài liệu.
7. Tính hợp lý số liệu theo không gian là tính hợp lý của một hay nhiều yếu tố khí tượng tại vị trí quan trắc so với số liệu quan trắc tại các vị trí (hoặc trạm) xung quanh hoặc từ các nguồn số liệu khác.
8. Tính hợp lý số liệu theo thời gian là tính hợp lý số liệu của một hoặc nhiều yếu tố khí tượng so với giá trị số liệu tại cùng một vị trí quan trắc trong khoảng thời gian (thống kê) khác nhau.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu

1. Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật hiện hành.
2. Đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và toàn diện.

Điều 5. Các loại tài liệu được kiểm tra, kiểm soát, đánh giá

Tài liệu được kiểm tra, kiểm soát, đánh giá bao gồm tài liệu bản giấy (các loại sổ, báo cáo, bảng biểu ghi kết quả số liệu thống kê, tính toán) và tài liệu dạng tập tin chứa số liệu, cụ thể:

1. Tài liệu thám không vô tuyến: tập tin chứa số liệu gốc, số liệu hiệu chuẩn, số liệu thống kê và các báo cáo.
2. Tài liệu gió trên cao bằng kính vĩ quang học (pilot): số liệu quan trắc, tập tin chứa số liệu tính toán kết quả quan trắc và các báo cáo.
3. Tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím: tập tin chứa số liệu gốc, tập tin chứa số liệu tính toán kết quả quan trắc, bảng số liệu thống kê và các báo cáo.
4. Tài liệu ra đa thời tiết: tập tin chứa số liệu gốc và các báo cáo.

Điều 6. Trình tự và nội dung kiểm tra

1. Nhận tài liệu;
2. Kiểm tra số lượng, dung lượng và phân loại: kiểm tra số lượng bản, số lượng trang của các tài liệu giấy, số lượng vật mang tin học (tệp dữ liệu, đĩa CD, DVD, ổ lưu,...) của tài liệu;
3. Kiểm tra tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu: kiểm tra tài liệu có bị hư hỏng, nhàu, rách nát, nhòe, tẩy xóa, không đúng quy cách văn bản (đối với tài liệu giấy); sự cong vênh, ẩm mốc, gãy, nhiễm vi rút hoặc không có khả năng mở đối với các tập tin trên vật mang tin.
4. Kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu: kiểm tra nguồn gốc tài liệu có được thực hiện bởi các trang thiết bị quan trắc được cung cấp bởi cơ quan quản lý hay không; các thông số về seri, số máy hoặc nguồn xuất của thiết bị; kiểm tra số lượng các mục, tiêu mục đối với tài liệu giấy, số lượng file, dung lượng từng file tài liệu.
5. Kiểm tra để xác định tình trạng công trình quan trắc và thiết bị quan trắc:
 - Kiểm tra các thông tin báo cáo về công trình trạm và hành lang kỹ thuật;
 - Kiểm tra để xác định việc hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo dưỡng, bảo quản thiết bị;
 - Kiểm tra để xác định tính đầy đủ vật tư, thiết bị tiêu hao.

Điều 7. Trình tự và nội dung kiểm soát

1. Kiểm soát tài liệu thám không vô tuyến
 - a) Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo: kiểm soát việc thực hiện quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc.
 - b) Nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, mã điện:
 - Kiểm soát số liệu và việc nhập số liệu khoảnh khắc thả;
 - Kiểm soát việc lựa chọn đối lưu hạn, gió cực đại, gió lớn nhất, điểm đặc tính;
 - Kiểm soát các số liệu đã được mã hóa.
 - c) Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:
 - Kiểm soát, so sánh số liệu khoảnh khắc thả theo không gian và thời gian;
 - Kiểm soát các điểm đặc tính để bổ sung hoặc loại bỏ khỏi chuỗi số liệu;
 - Kiểm soát tốc độ thẳng (lên thẳng) cao quan trắc.
2. Kiểm soát tài liệu gió trên cao (pilot)

a) Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo: kiểm soát việc thực hiện quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc.

b) Nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, thảo mã điện:

- Kiểm soát số liệu quan trắc;
- Kiểm soát việc nhập số liệu quan trắc vào phần mềm để tính toán;
- Kiểm soát kết quả tính toán và kết quả phát báo;
- Kiểm soát việc lựa chọn gió cực đại, gió lớn nhất;
- Kiểm soát các yếu tố liên quan tới tốc độ thăng (lên thẳng) của bóng.

c) Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

- Kiểm soát, so sánh số liệu khí tượng bề mặt trước khi thả bóng theo không gian và thời gian để xem xét việc sử dụng bóng có phù hợp hay không;
- Kiểm soát các đặc điểm thời tiết khi kết thúc quan trắc để xem xét nguyên nhân kết thúc quan trắc có phù hợp hay không.

3. Kiểm soát tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím

a) Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo: kiểm soát việc thực hiện quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc.

b) Tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng:

- Kiểm soát sự thừa, thiếu các số liệu trong các bảng biểu;
- Kiểm soát chế độ quan trắc, tính đúng đắn, tính phù hợp của chế độ quan trắc với chu trình hoạt động của mặt trời (theo mùa, theo tháng và đặc điểm mây, gió).

c) Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

- Kiểm soát các thông số về các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm của thiết bị và môi trường hoạt động của thiết bị;
- Kiểm soát tính phù hợp của các chỉ số quan trắc và đặc trưng thời tiết, khí hậu.

4. Kiểm soát tài liệu ra đa thời tiết

a) Kiểm soát tính đầy đủ của tài liệu:

- Kiểm soát dung lượng tài liệu theo số obs (ca) quan trắc;
- Kiểm soát thời gian giao nộp (truyền) dữ liệu, báo cáo;
- Kiểm soát chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

b) Kiểm soát về phương pháp quan trắc:

- Kiểm soát để xác định phương pháp quan trắc được thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật;

- Kiểm soát để xác định chế độ quan trắc.

c) Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

- Kiểm soát tính hợp lý theo không gian, thời gian chi tiết tới từng obs quan trắc;

- Kiểm soát các yếu tố quan trắc về tính hợp lý, tính đầy đủ và tính chính xác của các yếu tố.

Điều 8. Đánh giá chất lượng tài liệu

1. Phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chất lượng tài liệu bằng phương pháp tính điểm, dựa vào điểm chuẩn, điểm trừ và điểm đạt.

b) Điểm chuẩn được tính là 100 điểm. Điểm chuẩn được xác định cho từng hạng mục được đánh giá chất lượng tài liệu. Điểm chuẩn của các loại tài liệu chi tiết tại Phụ lục I.

c) Điểm trừ được xác định trên cơ sở:

- Các nguồn tài liệu: biên bản kiểm tra kỹ thuật trạm, hồ sơ kỹ thuật, kiểm tra, kiểm soát tài liệu, các báo cáo;

- Phân tích và đánh giá những sai sót về công trình, thiết bị, quan trắc, chỉnh lý và tính toán thống kê số liệu.

- Điểm trừ của các loại tài liệu chi tiết tại Phụ lục 2;

2. Nguyên tắc tính điểm trừ

a) Tổng số điểm trừ không vượt quá số điểm chuẩn.

b) Điểm trừ (đối với một lỗi thiếu hoặc sai) chỉ tính một lần khi đánh giá chất lượng tài liệu của một yếu tố quan trắc có sai sót do kết quả của việc tính toán từ những sai sót kéo theo (dây chuyền) mà kết quả cuối cùng của yếu tố đó không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng chung của tài liệu.

c) Không đánh giá chất lượng tài liệu khi số ca quan trắc thực hiện dưới 75 %.

d) Chất lượng tài liệu xếp loại kém khi tình trạng vật lý của vật mang tin bị hư hỏng (ẩm mốc, cong vênh, nhiễm vi rút) hoặc mất số liệu từ 30% trở lên.

3. Xếp loại chất lượng tài liệu

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng tài liệu được thực hiện 1 lần/tháng/trạm; chất lượng tài liệu theo năm là kết quả trung bình cộng của các tháng.

b) Chất lượng tài liệu là giá trị “điểm đạt” và được xếp loại theo bảng như sau:

STT	Điểm đạt	Xếp loại
1	85,0 - 100	Tốt
2	70,0 - 84,9	Khá
3	50,0 - 69,9	Trung bình
4	< 50,0	Kém

c) Cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím phải có bản nhận xét, đánh giá theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng 9 năm 2021.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Công báo;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ KHCCN, TCKTTV (200).

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC I

ĐIỂM CHUẨN CỦA CÁC LOẠI TÀI LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2021/TT-BTNMT ngày...tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím)

Bảng 1: điểm chuẩn tài liệu khí tượng trên cao, ô-dôn và bức xạ cực tím

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn
1	Tính pháp lý, đầy đủ của tài liệu giấy và tệp số	20
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo	10
3	Tính toán số liệu và mã điện	30
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	30
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	10

Bảng 2: điểm chuẩn tài liệu ra đa thời tiết

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn
1	Tính pháp lý, đầy đủ của tài liệu	30
2	Công trình, thiết bị quan trắc	30
3	Phương pháp quan trắc	20
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	15
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	5

PHỤ LỤC II

ĐIỂM TRỪ CỦA CÁC LOẠI TÀI LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2021/TT-BTNMT ngày...tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím)

Bảng 3: điểm trừ tài liệu thám không vô tuyến

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo:	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc
3	Nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, thảo mã điện:	-
a	Tính sai tổng số, trung bình.	1
b	Nhập số liệu khoanh khắc thả:	
	- Mỗi lần nhập sai mà không phát hiện được, nhưng không ảnh hưởng tới kết quả phát báo	1
	- Mỗi lần nhập sai, kịp thời sửa chữa trong quá trình quan trắc	1
	- Mỗi lần nhập sai, kịp thời sửa chữa mã điện trước khi phát báo	1
	- Mỗi lần nhập sai, không sửa chữa mã điện trước khi phát báo	2
	- Mỗi lần nhập sai, không phát hiện, không sửa chữa dẫn tới ảnh hưởng tới chất lượng số liệu thì hạ 01 bậc chất lượng.	Hạ 1 bậc
c	Chọn sai, thiếu đối lưu hạn, gió cực đại, gió lớn nhất, điểm đặc tính.	1
d	Mã hóa số liệu không đúng	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:	-
a	Quan trắc sai số liệu khoanh khắc thả	1

b	Quan trắc sai số liệu khoảng khắc thả mà ảnh hưởng đến chất lượng số liệu	5
c	Quan trắc sai ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng số liệu	Hạ 1 bậc
d	Mỗi đặc tính sai mà không loại bỏ khỏi chuỗi số liệu	1
e	Tốc độ thăng trung bình ca nằm ngoài phạm vi 5-8 m/s	
	< 5%	1
	> 5%	3
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu:	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (Làm mất số liệu dưới 30 %, cụ thể nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết cầu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số.)	1

Bảng 4: điểm trừ tài liệu quan trắc gió trên cao

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo;	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc
3	Nhập số liệu, tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng, thảo mã điện:	-
a	Tính sai tổng số, trung bình;	1
b	Nhập số liệu:	
	- Mỗi số liệu nhập sai, không phát hiện được nhưng không ảnh hưởng tới kết quả phát báo	1
	- Mỗi lần nhập sai mà không phát hiện được ảnh hưởng đến kết quả phát báo	2

	- Mỗi lần nhập sai, không phát hiện, không sửa chữa dẫn tới ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng số liệu.	Hạ 1 bậc
c	Tốc độ lên thẳng (tốc độ thẳng) đạt yêu cầu	
	- Mỗi lần bom bóng mà tốc độ lên thẳng không đúng quy định	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:	
	- Mỗi lỗi sai, thiếu	1
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu:	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (Làm mất số liệu dưới 30 %, cụ thể nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết câu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số.)	1

Bảng 5: điểm trừ tài liệu ra đa thời tiết

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu	
a	Tài liệu không đầy đủ	Theo % số tài liệu bị thiếu
b	Không giao nộp tài liệu đúng hạn	Theo % số tài liệu bị chậm
2	Tình hình công trình, thiết bị quan trắc	
a	Công trình trạm và hành lang kỹ thuật bị vi phạm	2.5
b	Hệ thống thiết bị không được hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo dưỡng, bảo quản theo đúng quy định	3
c	Vật tư kỹ thuật, thiết bị tiêu hao không đầy đủ	5
3	Phương pháp quan trắc	
a	Không thực hiện quan trắc đúng theo yêu cầu, hướng dẫn, quy định kỹ thuật	5

b	Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất	5
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	
a	Số liệu không hợp lý theo không gian	Theo % số tài liệu bị sai
b	Số liệu không hợp lý theo thời gian	Theo % số tài liệu bị sai
c	Số liệu không hợp lý theo yếu tố quan trắc	Theo % số tài liệu bị sai
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu (làm mất số liệu dưới 30 %, cụ thể nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số.)	2

Bảng 6: điểm trừ tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo;	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc
3	Tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng:	
	- Mỗi lỗi sai, thừa, thiếu trong các bảng biểu, tờ tổng hợp số liệu	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:	
	- Mỗi lỗi sai, thiếu	1
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu:	

a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (làm mất số liệu dưới 30 %, cụ thể: nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết cẩu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số)	1

PHỤ LỤC III

MẪU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TÀI LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2021/TT-BTNMT ngày...tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím)

**ĐƠN VỊ KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ CHẤT
LƯỢNG TÀI LIỆU**

Số: / (ký hiệu văn bản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TÀI LIỆU.....

1. Tên trạm Tài liệu tháng.....năm.....

2. Kết quả đánh giá tài liệu:

a) Số điểm đạt..... Xếp loại chất lượng tài liệu

b) Nhận xét tài liệu.....

3. Đề nghị:

Người đánh giá
(ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ trách bộ phận
đánh giá**
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện đơn vị đánh giá
chất lượng tài liệu**
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)